

1. Hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán doanh nghiệp trong điều kiện mới là vấn đề có tính cấp thiết.

Nền kinh tế VN đang được vận hành hướng theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo cơ chế này, hoạt động chủ yếu của doanh nghiệp là hoạt động kinh doanh nhằm mục đích sinh lợi và đạt tối đa lợi nhuận. Do đó doanh nghiệp phải hoạt động theo nhu cầu của thị trường, hướng tới cầu, hướng tới khách hàng và cạnh tranh trên thị trường. Mặt khác phải đảm bảo đời sống của người lao động, bảo toàn và tăng trưởng vốn, mở rộng quy mô kinh doanh, bảo vệ môi trường...

Một trong những biến chuyển lớn lao của xã hội loài người hiện nay là từ xã hội công nghiệp chuyển sang xã hội thông tin, điều này có nghĩa là thông tin sẽ phục vụ đắc lực cho công nghệ và xã hội. Các nhà doanh nghiệp nhận thức rằng: thông tin đang đóng vai trò tích cực trong các hoạt động tạo ra giá trị của doanh nghiệp như đề ra quyết định phân tích hoạt động kinh doanh, nhận thức nhu cầu và xu hướng thị trường, dự báo... Họ cũng hiểu rằng vốn không còn là lĩnh vực chiến lược được ưu tiên hơn thông tin nữa. Do đó, công nghệ thông tin từ sự quang học đến máy tính, từ cấp truyền hình đến vệ tinh truyền thông hiện đang phát triển mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới, nó đã tác động mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực và các ngành nghề. Ở VN, nhận thức được tầm quan trọng trên, chính phủ đã phê duyệt chương trình quốc gia phát triển công nghệ thông tin cho đến năm 2000 mà nội dung chủ yếu là xây dựng hạ tầng cơ sở công nghệ thông tin, tin học hóa bước đầu các khâu then chốt của nền hành chính và kinh tế quốc gia. Trên thực tế, việc tin học hóa đã bước đầu thực hiện ở một số ngành như ngân hàng, tài chính... và đặc biệt các doanh nghiệp đã ứng dụng tin học vào công tác quản trị doanh nghiệp một cách khá phổ biến.

Trong những điều mới như trình bày ở phần trên, kế toán với tư cách là một bộ phận cấu thành quan trọng của hệ công cụ quản lý kinh tế - tài chính, có vai trò trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính của doanh nghiệp nói riêng, cần phải có những cải cách để đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện mới. Với tinh thần cải cách triệt để, toàn diện và từ thực tế thử nghiệm. Bộ tài chính đã quyết định ban hành hệ thống chế độ kế toán doanh nghiệp theo quyết định số 1141/TC/QĐ/ĐKT ngày 1.11.1995 áp dụng thống nhất trong cả nước từ 1.1.1996. Tuy nhiên "Cải cách hệ

H OÀN THIỆN HỆ THỐNG CHỨNG TỪ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN MỚI

TRẦN VĂN THẢO

thống kế toán của VN, là công việc cực kỳ phức tạp, lại diễn ra rất khẩn trương trong quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tài chính, cải cách nền hành chính quốc gia, nên chắc

chắn còn nhiều khiếm khuyết và có những qui định chưa hoàn toàn phù hợp". (1) Vì vậy việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung, chứng từ kế toán nói riêng là việc làm rất cần thiết.

2. Bản chất của chứng từ kế toán và những yêu cầu có tính nguyên tắc nhằm hoàn thiện chứng từ kế toán trong điều kiện mới

2.1. Bản chất của chứng từ:

"Chứng từ" do dịch từ tiếng la tinh DOCUMENTUM nghĩa là *chứng minh, bằng cứ*.

Trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành chứng từ, khi mà khái niệm *chứng từ* lẫn trong khái niệm *sổ sách* thì sổ đăng ký kế toán thuần túy là cơ sở pháp lý chứng minh cho các sự kiện phát sinh. Khi chứng từ tách ra khỏi sổ sách thì chứng từ có hai tác dụng: vừa là căn cứ pháp lý chứng minh cho các sự kiện, vừa là căn cứ để ghi sổ kế toán và chứng minh cho số liệu ghi chép trong sổ kế toán. Như vậy chứng từ có hai tính chất khá rõ nét: tính chất pháp lý và tính chất thông tin. Trong lý luận kế toán từ trước tới nay người ta đã nêu ra khá nhiều định nghĩa về chứng từ biểu hiện rõ hai tính chất nói trên.

Chứng từ là dấu hiệu vật chất bất kỳ chứng minh các quan hệ pháp lý và các biến cố. (2)

Chứng từ là văn tự chứng minh về sự tồn tại của một sự kiện nào đó mà các hậu quả pháp lý cũng gắn liền với nó. (3)

Chứng từ là giấy tờ hoặc hình thức chứng minh cho nghiệp vụ đã xảy ra. (4)

Chứng từ là đối tượng vật chất chứa đựng thông tin dưới dạng cố định và có mục đích chuyên biệt là để mô tả thông tin theo thời gian và không gian... Chứng từ là một công cụ vật chất được sử dụng trong quá trình giao tiếp, trong đó, con người nhờ các phương tiện và hình thức khác nhau mà biểu hiện và mã hóa thông tin cố định trên một hình thức hợp lý... (5)

Chứng từ là hình thức biểu hiện của phương pháp chứng từ như một phương tiện chứng minh và thông tin về sự hình thành của nghiệp vụ kinh tế... là căn cứ để ghi sổ. (6)

Chứng từ là phương pháp thông tin về kiểm tra về trạng thái và sự biến động của đối tượng kế toán cụ thể nhằm phục vụ kịp thời cho lãnh đạo nghiệp vụ và làm căn cứ phân loại, tổng hợp kế toán. (7)

Từ những định nghĩa nêu trên có thể nhận thấy rằng chứng từ có mối liên hệ với yếu tố pháp lý, phương tiện thông tin, kỹ thuật ghi sổ, nghiệp vụ điều hành và yêu cầu quản lý.

Tổng hợp tất cả những mối liên hệ này tạo thành bản chất của chứng

từ.

2.2. Những yêu cầu có tính nguyên tắc để hoàn thiện chứng từ:

Trong điều kiện mới, việc hoàn thiện chứng từ kế toán phải trên cơ sở đảm bảo các yêu cầu có tính nguyên tắc sau đây:

- Chứng từ phải bảo đảm tính chất pháp lý: chứng từ phải được ghi chép đầy đủ, rõ ràng, kịp thời và đúng với sự thực nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh, phải có chữ ký đầy đủ của những người có trách nhiệm liên quan nghiệp vụ.

- Chứng từ phải bảo đảm tính chất thông tin: chứng từ phải ghi nhận đầy đủ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp theo cơ chế thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi sổ kế toán trong điều kiện kế toán thủ công cũng như cho việc nhập dữ liệu ban đầu trong điều kiện sử dụng máy vi tính.

- Cấu trúc của chứng từ phải đơn giản, dễ hiểu, dễ lập nhưng vẫn đảm bảo ghi nhận đầy đủ thông tin.

3. Đánh giá thực trạng hệ thống chứng từ kế toán doanh nghiệp hiện hành

Hệ thống chứng từ kế toán hiện đang được các doanh nghiệp sử dụng là hệ thống được Bộ tài chính ban hành theo quyết định 1141 - TC - QĐ - CĐKT ngày 1.11.1995. Trước đó hệ thống này đã được sử dụng thử nghiệm theo quyết định 186 TC - CĐKT ngày 14.3.1995 của Bộ tài chính. Hệ thống này được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế thị trường, phù hợp với thông lệ kế toán phổ biến của các nước.

Hệ thống chứng từ kế toán hiện hành bao gồm 46 mẫu biểu và được phân loại theo các tiêu thức nhất định như sau:

- Theo nội dung của nghiệp vụ kinh tế phản ánh trong chứng từ, gồm có:

Loại 1: lao động - tiền lương

Loại 2: hàng tồn kho

Loại 3: bán hàng

Loại 4: tiền tệ

Loại 5: tài sản cố định

- Theo tính pháp lý, gồm có:

Loại chứng từ bắt buộc và loại chứng từ hướng dẫn. Trong hai loại này lại được phân ra loại thuộc doanh nghiệp nhà nước và loại thuộc doanh nghiệp khác.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy hệ thống chứng từ hiện hành có một số ưu điểm và hạn chế so với yêu cầu trong điều kiện mới như sau:

a. Ưu điểm

- Về mặt số lượng, hệ thống chứng từ mới gồm có 46 mẫu biểu so với 151 mẫu biểu trong hệ thống cũ. Như vậy tránh được sự rườm rà, phức tạp trong việc lập và luân chuyển chứng từ.

- Về mặt cấu trúc, do số lượng

chứng từ giảm bớt nên cấu trúc chứng từ được xây dựng theo yêu cầu tinh giản và đảm bảo ghi nhận thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý trong cơ chế thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập chứng từ cũng như ghi chép của kế toán trong điều kiện kế toán thủ công.

- Sự phân chia hệ thống chứng từ thành hai hệ thống bắt buộc và hướng dẫn không những tạo ra cơ sở đảm bảo cho sự quản lý của nhà nước mà còn tạo ra sự linh hoạt cho các doanh nghiệp trong việc lập chứng từ đáp ứng đúng yêu cầu quản lý nội bộ.

b. Hạn chế:

- Một số chứng từ thuộc loại bán hàng chưa có cấu trúc phản ánh các thông tin như: chiết khấu mua hàng, chiết khấu bán hàng, thông tin phục vụ cho việc tính thuế trị giá gia tăng... Khi những thông tin này bị thiếu, kế toán khó có thể kiểm soát tình hình chiết khấu bị mất hay được hưởng hoặc không thể tính thuế trị giá gia tăng theo dạng đặt căn bản trên hóa đơn.

- Một số nghiệp vụ cần phải có chứng minh tính chất pháp lý như trích lập dự phòng... nhưng không có chứng từ theo mẫu quy định.

- Một số nội dung ghi trên chứng từ chưa rõ ràng có thể gây ra khó khăn cho người lập chứng từ như trong phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ: Cột thành tiền không ghi rõ theo số lượng thực xuất hay thực nhập. Tương tự như vậy cột thành tiền trong phiếu xuất kho không ghi rõ thành tiền được ghi theo số lượng yêu cầu hay thực xuất...

- Hình thức của chứng từ còn rườm rà, cụ thể là các tiêu đề thường chiếm nhiều dòng, nhiều cột trong chứng từ một cách không cần thiết.

- Thực tế hiện nay đang đòi hỏi phải có những qui định cụ thể về chứng từ trong điều kiện sử dụng máy vi tính. Nhưng hệ thống chứng từ và những qui định hiện hành chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế này. Cụ thể như sau:

- + Cấu trúc của chứng từ hiện hành chưa thích hợp trong việc đáp ứng yêu cầu cung cấp dữ liệu cho máy vi tính một cách nhanh chóng và chính xác vì trong cấu trúc của chứng từ đã không có phần dành để ghi mã nhân viên, mã khách hàng, mã kho...

- + Những thông tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh được ghi nhận trên các đĩa từ của máy vi tính chưa được thừa nhận là thông tin có tính chất pháp lý để làm căn cứ kiểm tra, kiểm soát.

4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện chứng từ kế toán trong điều kiện mới

4.1. Bổ sung một số lý luận cơ sở:

Để hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán cần phải dựa vào những cơ

sở lý luận nhất định. Song nếu chỉ dừng lại ở những cơ sở lý luận đã có để đề xuất những thay đổi về chứng từ trong điều kiện mới thì trong một số trường hợp những đề xuất trở nên thiếu căn cứ và sẽ gặp những mâu thuẫn khó lý giải. Vì vậy, cần thiết phải bổ sung một số lý luận làm căn cứ hoàn thiện hệ thống chứng từ trong điều kiện mới.

Chế độ chứng từ kế toán của nhà nước đã đưa ra khái niệm "chứng từ kế toán là những chứng minh bằng giấy tờ về nghiệp vụ kinh tế tài chính đã phát sinh và thực sự hoàn thành" (10). Khái niệm này hoàn toàn phù hợp trong điều kiện kế toán thủ công và đáp ứng yêu cầu đảm bảo giá trị pháp lý của thông tin trên chứng từ và là căn cứ ghi sổ kế toán. Tuy nhiên, trong điều kiện kế toán bằng máy vi tính, nếu chỉ dừng lại ở khái niệm nêu trên mà không có những qui định cụ thể thích ứng với điều kiện mới thì theo ý kiến chúng tôi, điều đó sẽ đã làm hạn chế những ưu điểm mà kế toán bằng máy vi tính. Nói cách khác, chế độ chứng từ kế toán hiện hành chưa có những qui định về chứng từ trong điều kiện kế toán bằng máy vi tính, đúng như nhận định: thực tế đòi hỏi phải có những qui định cụ thể về chứng từ... trong điều kiện sử dụng máy vi tính để quản lý (11). Theo ý chúng tôi, để có những qui định về chứng từ trong điều kiện kế toán bằng máy vi tính, cần phải thống nhất thêm một số vấn đề về mặt lý luận, cụ thể như sau:

Trước hết, cần nhận thức rằng: tổ chức kế toán bằng máy vi tính là yêu cầu có tính khách quan, nó bắt nguồn từ những đòi hỏi của xã hội và của nền kinh tế hiện đại. Đó là một xã hội thông tin, một nền kinh tế mà sự vận hành tốt hay xấu của nó phụ thuộc vào lượng thông tin được cung cấp có nhanh chóng chính xác và đầy đủ hay không? Một khi điều này được nhận thức như một quy luật thì nhà nước nên đưa ra đường hướng phát triển cụ thể riêng cho việc vi tính hóa công tác kế toán, không nên để tình trạng tự phát hiện nay. Thực hiện điều này sẽ nhanh chóng thúc đẩy các doanh nghiệp xây dựng hệ thống thông tin quản lý nói chung về hệ thống tin kế toán nói riêng trên cơ sở vi tính hóa. Đồng thời nó cũng sẽ thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Đường hướng phát triển việc vi tính hóa công tác kế toán phải dựa trên cơ sở những nền tảng căn bản mà một trong số chúng chính là chứng từ.

Thứ hai là, cần nhận thức rằng: máy vi tính không chỉ đơn giản là công cụ để cộng, trừ, nhân, chia hay là máy đánh chữ hiện đại... mà thực chất nó đang dần dần trở thành một

bộ phận cấu thành quan trọng không thể thiếu trong hệ thống quản lý của doanh nghiệp hiện đại do khả năng của nó trong việc tiếp nhận, xử lý, khai thác và truyền đạt thông tin trong nội bộ doanh nghiệp cũng như đối với các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp một cách nhanh chóng, chính xác và đầy đủ. Vấn đề đặt ra là làm thế nào và dựa trên cơ sở nào để tận dụng hết năng lực của máy trong quản lý đối chung và trong kế toán nói riêng.

Thứ ba là: việc tổ chức công tác kế toán bằng máy vi tính đặt ra những yêu cầu mới đòi hỏi phải có những thay đổi cơ bản trong tổ chức công tác kế toán so với kế toán thủ công về lập - luân chuyển chứng từ và hàng loạt các vấn đề khác có liên quan.

Thứ tư là, xét ở góc độ mối quan hệ giữa tính chất thông tin và tính chất pháp lý của chứng từ thì việc ghi nhận thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên đĩa từ có tác dụng bổ sung cho việc ghi nhận thông tin trên chứng từ bằng giấy.

Chúng tôi cho rằng, việc lập chứng từ bằng giấy là hoàn toàn phù hợp với yêu cầu chứng minh tính chất pháp lý của nghiệp vụ. Nhưng điều đó chưa đủ để thích ứng với thực trạng hiện nay là vừa có kế toán thủ công vừa có kế toán bằng máy vi tính. Hãy so sánh 2 vật ghi nhận thông tin là giấy và đĩa từ theo một số góc độ để thấy được những ưu nhược điểm của chúng và mối quan hệ bổ sung giữa chúng là một tất yếu khách quan trong điều kiện mới.

	Giấy	Đĩa từ
Tác dụng	Ghi nhận và lưu giữ thông tin	Ghi nhận và lưu giữ thông tin
Công cụ ghi nhận	Bảng thủ công	Bảng máy
Tốc độ ghi nhận	Chậm	Nhanh
Tạo điều kiện tập hợp, xử lý thông tin	Chậm	Nhanh
Công cụ nhận biết	Bảng mất thường	Bảng máy
Tính pháp lý	Được thừa nhận	?

4.2. Hoàn thiện chứng từ kế toán trong điều kiện vi tính hóa công tác kế toán

4.2.1 Bổ sung cấu trúc của chứng từ

- Cần bổ sung thêm phần thông tin bổ sung ở phần dưới cùng của chứng từ nhằm tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán, nhập dữ liệu và kiểm

tra trong điều kiện kế toán bằng máy vi tính. Phần này bao gồm: *định khoản, mã kho, mã khách hàng, mã nhà cung cấp, mã nhân viên...tùy theo loại chứng từ.*

4.2.2. Hợp pháp hóa cho thông tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế ghi nhận trên đĩa từ.

Từ những vấn đề lý luận ở trên chúng tôi cho rằng: Trong điều kiện kế toán bằng máy vi tính thì việc hợp pháp hóa cho những thông tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế trên đĩa từ là rất cần thiết.

Nhà nước cần thừa nhận, thông qua chế độ chứng từ kế toán, những thông tin về nghiệp vụ đã phát sinh và thực sự hoàn thành được ghi nhận trên đĩa từ có giá trị tương đương với những thông tin ghi nhận trên chứng từ bằng giấy nếu việc ghi nhận trên đĩa từ bảo đảm các điều kiện sau đây:

+ Ghi nhận đúng sự thật nghiệp vụ phát sinh và có chứng từ bằng giấy chứng nhận tính chất pháp lý của nghiệp vụ.

+ Các thông tin trên đĩa từ được sắp xếp theo đúng mẫu quy định của doanh nghiệp.

+ Các thông tin trên đĩa từ phải được sự xác nhận của kế toán trưởng và giám đốc doanh nghiệp về độ chính xác và tính trung thực của thông tin.

- Chế độ quản lý thông tin ghi nhận trên đĩa từ:

+ Đối với nhà nước, nên quy định những điểm sau đây: một là, trong chương trình kế toán viết cho máy bắt buộc phải có chương trình dành riêng cho chứng từ sao cho đảm bảo yêu cầu khi in trên màn hình hoặc in trên giấy đều đúng mẫu quy định của nhà nước (đối với loại chứng từ bắt buộc) hoặc đúng mẫu quy định của doanh nghiệp (đối với loại chứng từ hướng dẫn).

Hai là, chương trình kế toán được viết phải đảm bảo yêu cầu người ngoài doanh nghiệp chỉ có thể đọc mà không thể thêm, bớt thông tin.

Ba là, đĩa từ chứa đựng thông tin chứng từ dùng để cung cấp cho đối tượng sử dụng thông tin ngoài doanh nghiệp phải được niêm phong theo tem niêm phong do Bộ tài chính phát hành, trên tem niêm phong có chữ ký của kế toán trưởng và giám đốc doanh nghiệp.

+ Đối với doanh nghiệp, cần thực hiện các điểm sau đây: cuối tháng, sau khi đã ghi nhận đầy đủ thông tin phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán doanh nghiệp chép toàn bộ thông tin này ra đĩa mềm ít nhất là hai bản sao để đảm bảo yêu cầu chế độ quy định, trong đó dùng để lưu 1 bản, số bản còn lại dùng để cung cấp cho bên ngoài.

+ Tổ chức bảo quản thông tin

trên đĩa từ nhằm hạn chế đến mức tối đa tình trạng thông tin bị virus tin học phá hoại.

4.3. Hoàn thiện chứng từ kế toán đáp ứng yêu cầu quản lý theo cơ chế thị trường.

- Lập thêm mẫu hóa đơn bán hàng, mẫu hóa đơn kiểm phiếu xuất kho và hóa đơn cho các loại dịch vụ áp dụng cho những đơn vị nộp thuế trị giá gia tăng. Trong loại hóa đơn này ngoài những yếu tố đã quy định cần bổ sung thêm các yếu tố như *thuế suất, thuế khấu trừ, thuế phải nộp.*

- Bổ sung thêm trong hóa đơn bán hàng hoặc hóa đơn kiểm phiếu xuất kho yếu tố: *chiết khấu, nhằm tạo cơ sở tính toán số tiền thanh toán, đồng thời theo dõi tình hình chiết khấu được hưởng và chiết khấu bị mất.*

- Bổ sung thêm mẫu chứng từ ghi nhận thông tin liên quan đến khoản *trích lập dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn, giảm giá hàng bán.*

4.4. Hoàn thiện hình thức chứng từ kế toán bằng giấy

- Để tránh rườm rà cần chuyển các tiêu đề sau đây từ hình thức trình bày theo cột thành hình thức trình bày theo dòng: mẫu số...ban hành theo quyết định 1141 - TC/QĐ/CĐKT ngày 1 tháng 11 năm 1995 của Bộ tài chính. Đơn vị, địa chỉ, số đăng ký doanh nghiệp, Telefax. Đồng thời, bỏ bớt một số nội dung tiêu đề không cần thiết. Sự thay đổi này còn nhằm tiết kiệm số dòng để tạo điều kiện mở thêm phần thông tin bổ sung. Chuyển một số nội dung của phiếu ghi hưởng bảo hiểm xã hội từ dạng cột theo dạng dòng để tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép.

- Nếu bỏ phiếu xuất vật tư theo hạn mức, vì nó gây khó khăn trong việc giữ gìn chứng từ để lĩnh lần sau.

Trên đây chỉ là một số ý kiến nhằm hoàn thiện hệ thống chứng từ kế toán trong điều kiện mới. Chúng tôi chắc rằng còn nhiều vấn đề chưa được đề cập tới, rất mong nhận ý kiến đóng góp của độc giả ■

- (1) *Hệ thống kế toán doanh nghiệp* - NXB Tài chính - Hà Nội 1995 trang 3
- (2), (3), (5) *Nhập môn lý thuyết kế toán*, Pali và Solokop, Bản tiếng Nga, trang 87, 90
- (4) *Accounting in Australia*, John Hogget & Lew Edward, 1990, trang 86
- (6) *Những vấn đề tổ chức hạch toán kế toán*, NXB Thống kê 1986, trang 38
- (7) *Tổ chức hạch toán kế toán*, NXB giáo dục, 1994, trang 21.
- (11) *Tạp chí Tài chính* - số 2/1996, trang 30
- (10) *Hệ thống kế toán doanh nghiệp* - NXB tài chính, Hà Nội 1995 - trang 463.